

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HS-ST

Ngày 16/5/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN HUYỆN T, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông VNH.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị H.

2. Ông Đỗ Viết P.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Duy M - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/HSST-QĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Trần Thị H B Đ; sinh năm 1981, tại T.

Chứng minh nhân dân số: ***** do Công an tỉnh T cấp ngày 26/9/2016.

Nơi cư trú ấp P, xã PT, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ

văn hoá: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh H, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1954; chồng: Phạm Văn M, sinh năm 1972; con: bị cáo có 01 con sinh năm 2009; bị cáo có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ 05 trong gia đình; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 07 ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T.

2. Trần N H; sinh năm 1982, tại T.

Chứng minh nhân dân số: ***** do Công an tỉnh T cấp ngày 19/6/2009.

Nơi cư trú ấp B, xã PT, huyện T, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1951; vợ: Ngô Thị Tuyết Nh, sinh năm 1982; con: bị cáo có 02 con sinh năm 2006 và năm 2012; bị cáo có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ 05 trong gia đình; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: không tốt; bị cáo bị tạm giam theo Quyết định tạm giam số 05/2022/HSST-QĐTG ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tâ.

3. Trương Ngọc Thanh; sinh năm 1975, tại T.

Căn cước công dân số: ***** do Cục cảnh sát quản lý hành chính và trật tự xã hội cấp ngày 03/4/2021.

Nơi cư trú ấp Tâ, xã T T, huyện TPĐ, tỉnh TG; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hoá: không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Minh Đ, sinh năm 1940 (đã mất) và bà Trương Thị C, sinh năm 1940; vợ: Đỗ Thị Thu V, sinh năm 1978; con: bị cáo có 02 con sinh năm 1999 và năm 2007; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 06 ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T.

4. Nguyễn Thị D; sinh năm 1988, tại T.

Chứng minh nhân dân số: ***** do Công an tỉnh Tiền Giang cấp ngày 11/12/2017.

Nơi cư trú ấp B, xã P T, huyện T, tỉnh TG; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; cha không rõ lý lịch, mẹ Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1968; chồng: Không có; con: bị cáo có 01 con sinh năm 2015; bị cáo có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 05 ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T.

(Các bị cáo Đ, H, T, D có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 27 tháng 11 năm 2021, bị cáo Đ đi dự tiệc tại nhà anh Đinh Văn Nh ngụ cùng ấp thì gặp những người bạn gồm bị cáo Nguyễn Thị D và bị cáo Trương Ngọc Th. Sau khi dự tiệc xong, khoảng 12 giờ cùng ngày thì Đ rủ D, Th về nhà để ăn uống và hát karaoke, do nhà bị cáo Đ có kinh doanh ăn uống và dịch vụ hát karaoke thì bị cáo D và bị cáo T đồng ý. Tại đây, các bị cáo gặp bị cáo Trần Ngọc H đang ở nhà của Điều (bị cáo Hà là bà con bạn dì với bị cáo Điều) nên cùng ngồi uống nước nói chuyện thì bị cáo Đ rủ các bị cáo H, D, T đánh bạc với hình thức đánh bài tứ sắc ăn thua bằng tiền thì tất cả đồng ý, sau đó các bị cáo H, D, Th mỗi người đưa cho Đ số tiền 100.000 đồng (*một trăm nghìn đồng*) để Đ đi mua bài tứ sắc và đồ ăn phục vụ việc đánh bạc.

Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo Đ đi mua đem về 30 bộ bài tứ sắc và một số bánh, trái cây đem vào phòng hát karaoke tại nhà bị cáo Đ. Các bị cáo thỏa thuận số tiền ăn thua là 5.000 đồng/ô, bị cáo Điều bỏ ra số tiền 2.860.000 đồng, bị cáo H bỏ ra 900.000 đồng, bị cáo Th bỏ ra 1.900.000 đồng, bị cáo D bỏ ra 1.100.000 đồng để trên chiếu bạc dùng để đánh bạc. Hình thức đánh bài tứ sắc của các bị cáo quy định như sau: khi đánh bạc có bốn người tham gia, người chia bài thì được 21 lá, còn lại ba người thì mỗi người được 20 lá, khi chia xong tiền hành sắp ô, khi đánh thì mỗi người đánh ra con rác, khi nào đánh ra hết con rác và đủ 10 ô thì thắng, một người thắng còn lại ba người thua, trong lúc đánh bạc thì người tham gia tính ăn thua tương ứng với số ô thắng (như 10 ô x 5000 đồng/ô thì sẽ thắng tương ứng với số tiền 50.000 đồng), người không tham gia đánh (tức

là bỏ ván) thì thua 5.000 đồng. Ngoài ra, các bị cáo còn sử dụng những lá bài tứ sắc cũ xếp thành hình vuông, quy định mỗi hình vuông tương ứng với 5.000 đồng dùng để chung tiền ăn thua khi không có tiền lẻ; đánh bạc không có quy định thu tiền xâu. Kết quả, trong quá trình đánh bạc thì bị cáo H thắng 80.000 đồng, bị cáo D thắng 300.000 đồng, bị cáo Th thắng 2.400.000 đồng, bị cáo Đ thua 2.780.000 đồng.

Đến khoảng 20 giờ 20 phút cùng ngày, lực lượng Công an huyện T kết hợp Công an xã P đến kiểm tra phát hiện các bị cáo đang đánh bạc ăn thua bằng tiền nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

***Tang vật thu giữ gồm:**

- Trên chiếu bạc: Số tiền 6.760.000đ (*sáu triệu bảy trăm sáu chục nghìn đồng*); 06 (sáu) bộ bài tứ sắc (chưa qua sử dụng); 01 (một) tấm nhựa không xác định màu sắc có kích thước (73,5 x 81,5)cm; 01 (một) chiếc điệm không xác định được màu sắc có kích thước (2,1 x 1,55 x 0,03)m đã qua sử dụng; 24 (*hai mươi bốn*) lá bài tứ sắc (đã qua sử dụng) được thắt lại thành hình vuông được để trong chiếc đĩa (đã qua sử dụng) bằng nhựa có đường kính 18 cm dùng để tính tiền ăn thua.

- Thu trong sọt rác (cạnh chỗ đánh bạc): 2.240 (hai ngàn hai trăm bốn mươi) lá bài tứ sắc (đã qua sử dụng) có kích thước (1,45 x 04)cm; 20 (hai mươi) bao (vỏ) chứa bài tứ sắc có kích thước (1,7 x 04 x 5,1)cm.

- Tài sản thu trong người các bị cáo: Nguyễn Thị D số tiền 18.900.000 đồng; Trương Ngọc Th số tiền 17.600.000 đồng; Trần Thị Hoàng Bạch Đ số tiền 1.820.000 đồng; Trần Ngọc H số tiền 4.500.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 08/CT-VKS-TPĐ ngày 25 tháng 8 năm 2021, Công văn số 06/CV-VKSTPĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông đã truy tố các bị cáo Trần Thị Hoàng Bạch Đ, Trần Ngọc H, Trương Ngọc Th, Nguyễn Thị D về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm về tội danh như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị tuyên bố các bị cáo Trần Thị Hoàng Bạch Đ, Trần Ngọc H, Trương Ngọc Th, Nguyễn Thị D phạm tội “*Đánh bạc*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị Hoàng Bạch Đ từ 09 (chín) tháng đến 01 (một)

năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (mười hai) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Ph giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Ngọc H từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 28 tháng 11 năm 2021.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trương Ngọc Th từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Ph T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Thị Hoàn Bạch Đ, Trần Ngọc H, Trương Ngọc Th, Nguyễn Thị D mỗi bị cáo từ 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) đến 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

* Về xử lý vật chứng áp dụng:

Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy đối với: 06 (sáu) bộ bài tứ sắc (chưa qua sử dụng); 01 (một) tấm nhựa không xác định màu sắc có kích thước (73,5 x 81,5)cm; 01 (một) chiếc điệm không xác định được màu sắc có kích thước (2,1 x 1,55 x 0,03)m đã qua sử dụng; 24 (*hai mươi bốn*) lá bài tứ sắc (đã qua sử dụng) được thắt lại thành hình vuông được để trong chiếc đĩa (đã qua sử dụng) bằng nhựa có đường kính 18 cm dùng để tính tiền ăn thua; 2.240 (*hai ngàn hai trăm bốn mươi*) lá bài tứ sắc (đã qua sử dụng) có kích thước (1,45 x 04)cm; 20 (hai mươi) bao (vỏ) chứa bài tứ sắc có kích thước (1,7 x 04 x 5,1)cm.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước đối với số tiền 6.760.000đ (*sáu triệu bảy trăm sáu chục nghìn đồng*).

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Hoàng Bạch Đ, bị cáo Trần Ngọc H, bị cáo Trương Ngọc Th, bị cáo Nguyễn Thị D đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã nêu.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng:

Bị cáo Trần Thị Hoàng Bạch Đ đã biết lỗi của mình gây ra. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Trần Ngọc H đã biết lỗi của mình gây ra. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Trương Ngọc Th đã biết lỗi của mình gây ra. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị D đã biết lỗi của mình gây ra. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện chăm sóc con nhỏ và mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi phạm tội: Khoảng 12 giờ 30 phút đến 20 giờ 30 phút ngày 27 tháng 11 năm 2021, tại nhà của bị cáo Trần Thị Hoàng Bạch Đ, địa chỉ ấp P, xã Ph, huyện T, tỉnh T do các bị cáo Trần Thị Hoàng Bạch Đ, Trần Ngọc H, Nguyễn Thị D, Trương Ngọc Th cùng nhau tham gia đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh bài tứ sắc thắng thua bằng tiền, tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 6.760.000 đồng (*sáu triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*). Vì vậy, hành vi của các bị cáo Trần Thị Hoàng Bạch Đ, Trần Ngọc H, Nguyễn Thị D, Trương

Ngọc Th đã đủ cấu thành tội phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[3] Xét về động cơ, mục đích phạm tội: Các bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo là người có khả năng lao động nhưng lại muốn kiếm tiền một cách nhanh chóng bằng hành vi đánh bạc. Hành vi của bị cáo gây mất an trật tự tại địa phương nơi bị cáo phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi lượng hình.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: các bị cáo Đ, Th và D chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Đ, bị cáo Th và bị cáo D phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo H phạm tội trong thời gian đang Tòa án chuẩn bị xét xử đối với hành vi đánh bạc trong vụ án khác, tuy không tính đó là tiền án cho bị cáo nhưng cho thấy bị cáo có thái độ xem thường pháp luật; bị cáo Hà có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo D là lao động chính trong gia đình, phải chăm sóc con nhỏ nên Hội đồng xét xử cho xem xét bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ xem xét hình phạt tương xứng với bị cáo để đảm bảo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nghề nghiệp ổn định nên áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo Trần Thị Hoàng Bạch Đ, Trần Ngọc H, Trương Ngọc Th, Nguyễn Thị D.

[6] Về xử lý vật chứng:

06 (sáu) bộ bài tứ sắc (chưa qua sử dụng); 01 (một) tấm nhựa không xác định màu sắc có kích thước (73,5 x 81,5)cm; 01 (một) chiếc điệm không xác định được màu sắc có kích thước (2,1 x 1,55 x 0,03)m đã qua sử dụng; 24 (hai mươi

bốn) lá bài tứ sắc (đã qua sử dụng) được thắc lại thành hình vuông được để trong chiếc đĩa (đã qua sử dụng) bằng nhựa có đường kính 18 cm dùng để tính tiền ăn thua; 2.240 (hai ngàn hai trăm bốn mươi) lá bài tứ sắc (đã qua sử dụng) có kích thước (1,45 x 04)cm; 20 (hai mươi) bao (vỏ) chứa bài tứ sắc có kích thước (1,7 x 04 x 5,1)cm không có giá trị nên cần phải tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 6.760.000đ (sáu triệu bảy trăm sáu chục nghìn đồng) các bị cáo dùng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[8] Xét hành vi của bị cáo Đ cho mượn nhà để các bị cáo đánh bạc với nhau nhưng không nhận lợi ích vật chất hoặc hứa hẹn nhận lợi ích vật chất từ bị các bị cáo nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định tại Điều 322 Bộ luật Hình sự.

[9] Qua xem xét quan điểm của Kiểm sát viên về những chứng cứ buộc tội, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, về mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị là chưa nghiêm khắc, chưa đảm bảo tính giáo dục đối với các bị cáo và tính phòng ngừa chung nên cần phải tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo.

[10] Về án phí: bị cáo Trần Thị Hoàng Bạch Đ, Trương Ngọc Th, Nguyễn Thị D, Trần Ngọc H bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố bị cáo các bị cáo Trần Thị Hoàng Bạch Đ, Trần Ngọc H, Trương Ngọc Th, Nguyễn Thị D phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

1.1 Xử phạt bị cáo Trần Thị Hoàng B Đ Điều 18 (mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm.

Giao bị cáo Trần Thị Hoàng Bạch Điều cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

1.2 Xử phạt bị cáo Trần Ngọc H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 11 năm 2021.

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

1.3 Xử phạt bị cáo Trương Ngọc Th 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm.

Giao bị cáo Trương Ngọc Th cho Ủy ban nhân dân xã T Th, huyện T, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là hai (hai) năm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị D cho Ủy ban nhân dân xã P T, huyện T, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 3 Điều 321; khoản 2, 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Trần Thị Hoàng Bạch Đ số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

Phạt bị cáo Trần Ngọc H số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

Phạt bị cáo Trương Ngọc Th số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

Phạt bị cáo Nguyễn Thị D số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

3. Xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu tiêu hủy : 06 (sáu) bộ bài tứ sắc (chưa qua sử dụng); 01 (một) tấm nhựa không xác định màu sắc có kích thước (73,5 x 81,5)cm; 01 (một) chiếc điệm không xác định được màu sắc có kích thước (2,1 x 1,55 x 0,03)m đã qua sử dụng; 24 (*hai mươi bốn*) lá bài tứ sắc (đã qua sử dụng) được thắt lại thành hình vuông được để trong chiếc đĩa (đã qua sử dụng) bằng nhựa có đường kính 18 cm dùng để tính tiền ăn thua; 2.240 (*hai ngàn hai trăm bốn mươi*) lá bài tứ sắc (đã qua sử dụng) có kích thước (1,45 x 04)cm; 20 (*hai mươi*) bao (vỏ) chứa bài tứ sắc có kích thước (1,7 x 04 x 5,1)cm

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền là: 6.760.000đ (*sáu triệu bảy trăm sáu chục nghìn đồng*)

(Theo quyết định chuyển vật chứng số 05/QĐ-VKS ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông và Biên bản giao nhận tài sản giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra công an và Kho bạc nhà nước huyện Tân Phú Đông số:02/2022/BBBG-CSĐT ngày 06 tháng 4 năm 2022).

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

- Bị cáo Trần Thị Hoàng Bạch Đ chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Trần Ngọc H chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Trương Ngọc Th chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Thị D chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5/Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Áp dụng các Điều 331; 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh T.
- VKSND H. T.
- Cơ quan CSĐT; Cơ quan THA hình sự CA H.T.
- Nhà tạm giữ CA H.TPĐ (hoặc nơi giam giữ bc)
- Chi cục THA dân sự H.TPĐ.
- UBND xã (nơi BC cư trú).
- Người bảo chữa (nếu có)
- Bị cáo.
- Bị hại; người tham gia tố tụng khác.
- Bộ phận THA phạt tù.
- HSVA; Lưu AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VNH